

Bản án số: 96/2021/DS-ST

Ngày: 28-04-2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;
2. Bà Nguyễn Kim Hồng;

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 288/2020/DSST ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T – Chi nhánh Nhà Bè;

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, đường N, Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Văn Phú D. - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Đinh Quang Tấn H., sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 266-268 đường N, Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 35 ngày 28/5/2020) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Lê Đức T., sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 56/48/11 đường B, Khu phố 3, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2020, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Quang Tấn H. trình bày:

Ngày 26/06/2017, ông Lê Đức T. có ký với Ngân hàng T – Chi nhánh Nhà Bè (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Theo đó, căn cứ thu nhập của ông T., Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng; Mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và các khoản phí theo quy định (Điều 22, Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T. đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.643.000 đồng, nhưng đến kỳ sao kê lại không thanh toán cho Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T. không có thiện chí trả nợ, ông T. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/12/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, theo đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.833.276 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Như vậy từ thời điểm ông T. vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng có quyền chỉ áp dụng lãi suất trong hạn để hỗ trợ ông T., từ khi ông T. chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng mới áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% trên lãi trong hạn.

Tính đến ngày 28/4/2021, ông Lê Đức T. còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 34.833.276 đồng.
- Lãi quá hạn: 54.209.790 đồng.
- Tổng cộng: 89.043.066 đồng.

Nay, Ngân hàng T đề nghị Tòa án buộc ông Lê Đức T. phải trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/4/2021 là 89.043.066 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông T. có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn ông Lê Đức T. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm

2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 nhưng ông Lê Đức T. vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Đức T. thanh toán tổng số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 26/06/2017 là 89.043.066 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Theo kết quả xác minh của Công an phường M, Quận 7, ông Lê Đức T., sinh năm 1977 có đăng ký tạm trú tại số 56/48/11 đường A, Khu phố 3, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 05 năm 2020. (theo lời trình bày của vợ ông T. thì ông T. đi đánh bắt cá tại tỉnh Kiên Giang từ cuối tháng 09/2020 cho đến nay nhưng không rõ địa chỉ). Ông T. vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn hay cơ quan có thẩm quyền về nơi cư trú mới của mình theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 7 tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Đức T. đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Lê Đức T. đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông T. phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về nội dung tranh chấp của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bị đơn ông Lê Đức T. thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 28/4/2021 là 89.043.066 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 34.833.276 đồng.
- Lãi quá hạn: 54.209.790 đồng.
- Tổng cộng: 89.043.066 đồng.

Trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Lê Đức T. phải thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Ngân hàng T hoạt động trong các lĩnh vực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0301103908) của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 26/06/2017 thì Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho ông T. với số tiền 30.000.000 đồng, hiệu lực thẻ kể từ ngày ông T. nhận được thẻ. Lãi suất được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng ban hành tại từng thời điểm, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Xét, chủ thẻ ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng, ông Lê Đức T. đã nhận thẻ, pin và sử dụng thẻ với tổng số tiền giao dịch là 29.643.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông T. có nghĩa vụ thanh toán các dư nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông T. đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Ông T. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bị đơn ông T. phải trả số tiền nợ gốc, và tiền lãi tính đến ngày 28/4/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Ngân hàng T có chức năng hoạt động tín dụng theo Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phân lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 26/06/2017 đã ký kết đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở nên chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 28/4/2021, trong đó nợ gốc: 34.833.276 đồng; nợ lãi quá hạn: 54.209.790 đồng, tổng số tiền là 89.043.066 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 26/06/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.839.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Ngân hàng T, ông Lê Đức T. có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 278, Điều 357, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng T, bị đơn ông Lê Đức T..

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

2.1. Buộc bị đơn ông Lê Đức T. phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2021 là 89.043.066 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 34.833.276 đồng.

- Lãi quá hạn: 54.209.790 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2.2. Kể từ ngày 29/4/2021 ông Lê Đức T. còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 26/06/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Đức T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.152.153 đồng (Bốn triệu, một trăm năm mươi hai ngàn, một trăm năm mươi ba đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.839.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0035673 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn Ngân hàng T; Bị đơn ông Lê Đức T. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (TK. Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hồng Phúc